

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

- Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án **13**
Nguyễn Hữu Hưng
- Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**
Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh
- Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam **29**
Đoàn Ngọc Phúc
- Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu **40**
Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu
- Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**
Nguyễn Văn Toại
- Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**
Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc
- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt **65**
Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang **76**
Nguyễn Lan Duyên
- Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**
Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân
- Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay **108**
Võ Văn Dũng
- Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới **115**
Phạm Đi
- Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam..... **123**
Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh
- Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**
Ngô Văn Minh
- Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng **140**
Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 04/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2025

The 18th Year

Contents

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation **3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
2. Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**
Nguyen Huu Hung
3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province **19**
Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh
4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam **29**
Doan Ngoc Phuc
5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance..... **40**
Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu
6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**
Nguyen Van Toai
7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**
Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc
8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective **65**
Le Chi Cong, Nguyen Nam Son
9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**
Nguyen Lan Duyen
10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang
11. Factors affecting the healing process of Gen Z. **97**
Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien, Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran
12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam **108**
Vo Van Dung
13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**
Pham Di
14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**
Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh
15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century **132**
Ngo Van Minh
16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**
Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach

Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án

Nguyễn Hữu Hưng

TAND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Email liên hệ: nguyenuuhung116@gmail.com

Tóm tắt: Quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” là quy định không mới của pháp luật tố tụng nhưng đến nay cách hiểu và áp dụng trong thực tiễn tại các tòa án vẫn có nhiều điểm không thống nhất, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình khởi kiện tại tòa án. Bài viết tập trung phân tích quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) và các vướng mắc trong thực tiễn áp dụng của tòa án các cấp trong quá trình thụ lý, giải quyết các vụ án. Từ đó, tác giả đề xuất những kiến nghị khắc phục trong thực tiễn giải quyết và sửa đổi quy định pháp luật tố tụng dân sự cho phù hợp.

Từ khóa: điều kiện khởi kiện, tố tụng, tòa án.

Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts

Abstract: The provision of “the conditions for initiating lawsuits as prescribed by law are not fully satisfied” is not new in procedural law; however, its interpretation and application in practice remain inconsistent and ambiguous, causing many difficulties for individuals and businesses in initiating lawsuits. This article analyzes the provision of “conditions for initiating lawsuits as prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and practical drawbacks encountered by courts at various levels during the acceptance and resolution of such cases. Based on the analysis, the author proposes recommendations of civil procedures.

Keywords: conditions for initiating lawsuits, procedure, court

Ngày nhận bài: 20/12/2024; **Ngày phản biện:** 18/02/2025; **Ngày duyệt đăng:** 21/03/2025

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS) không quy định cụ thể thế nào là điều kiện khởi kiện vụ án dân sự. Thuật ngữ “điều kiện khởi kiện” chỉ xuất hiện tại Điều 192 Luật này về những trường hợp trả lại đơn khởi kiện, trong đó có trường hợp do chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Các hướng dẫn liên quan đến trường hợp này cũng tương đối ít, dẫn đến việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử còn thiếu thống nhất giữa các tòa án và ảnh hưởng đến lợi ích của các đương sự. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích quy định về “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” và một số tình huống thực tế trong việc áp dụng quy định về việc trả đơn khởi kiện hoặc đình chỉ giải quyết vụ án do chưa có đủ điều kiện khởi kiện tại tòa án các cấp.

2. Quy định pháp luật tố tụng dân sự về “chưa có đủ điều kiện khởi kiện”

“Chưa có đủ điều kiện khởi kiện” là một trong những căn cứ để các tòa án từ chối thụ lý vụ án hoặc đình chỉ giải quyết vụ án trong thực tiễn giải quyết tranh chấp. Theo điểm d khoản 1 Điều 168 BLTTDS 2004 thì “chưa có đủ điều kiện khởi kiện” là một trong những trường hợp tòa án trả lại đơn khởi kiện. Cụ thể hơn, Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn “Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp các đương sự có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về các điều kiện để khởi kiện (kể cả quy định về hình thức, nội

dung đơn khởi kiện) nhưng đương sự đã khởi kiện khi còn thiếu một trong các điều kiện đó". Như vậy, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các hướng dẫn của hệ thống tòa án, phạm vi của quy định "chưa có đủ điều kiện khởi kiện" theo BLTTDS 2004 là khá rộng và tương đối mơ hồ. Điều kiện để khởi kiện vụ án dân sự có thể được các bên đương sự thỏa thuận khi tham gia giao dịch hoặc được pháp luật quy định. Quy định chưa rõ ràng như vậy dẫn đến trường hợp các bên tham gia giao dịch thỏa thuận hạn chế quyền khởi kiện hoặc bị nhiều tòa án "lạm dụng" để đình chỉ hay trả đơn khởi kiện, ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện.

Quy định này tiếp tục được kế thừa tại Điều 192 BLTTDS 2015 về những trường hợp trả lại đơn khởi kiện, nhưng được quy định chặt chẽ hơn. Theo đó, chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khởi kiện nhưng tại thời điểm người khởi kiện nộp đơn khởi kiện đến tòa án thì chưa đáp ứng được các điều kiện đó. BLTTDS 2015 đã hạn chế hơn quy định trả đơn khởi kiện do chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Điều kiện để khởi kiện chỉ bao gồm những điều kiện do pháp luật quy định mà trước khi thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự tại tòa án thì người khởi kiện phải bảo đảm đã có các điều kiện đó rồi. Tuy nhiên, quy định này cũng chưa thực sự rõ ràng, cụ thể vì cụm từ "pháp luật" trong hướng dẫn trên có thể được hiểu là bao gồm cả pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng hay chỉ đơn thuần là pháp luật nội dung.

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án (Nghị quyết số 04) có những bổ sung, hướng dẫn cụ thể hơn, theo đó, "*Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật là trường hợp pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật khác có quy định về các điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó*". Tuy nhiên, trên thực tế, BLTTDS và văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như các văn bản pháp luật khác đều không quy định các điều kiện khởi kiện vụ án dân sự trong từng trường hợp cụ thể nên việc hướng dẫn như trên là chưa thực sự rõ ràng. Hướng dẫn tại Nghị quyết số 04 cũng chỉ nêu được 2 trường hợp được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện, bao gồm: (1) đối với tranh chấp lao động khi chưa tiến hành thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động; (2) đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp.

Ví dụ: Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/2018/QĐ-GQKN ngày 31/8/2018, TAND tỉnh Nghệ An không chấp nhận đơn khiếu nại và giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện với nhận định: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự nộp kèm theo đơn khởi kiện thì tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị Mai P và chị Trần Thị Linh C đối với tranh chấp mốc giới giữa thửa đất số 13 và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 2, khối Tân Tiến, phường M, thành phố V, tỉnh Nghệ An chưa được hòa giải tại UBND phường Lê Mao, thành phố Vinh nơi thửa đất có tranh chấp nên chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật⁽¹⁾.

3. Thực tiễn áp dụng quy định "chưa có đủ điều kiện khởi kiện" tại tòa án

- Thứ nhất, vướng mắc trong thụ lý vụ án do UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi xảy ra tranh chấp không thực hiện đúng quy định về hòa giải khi có yêu cầu

Nghị quyết số 04 xác định tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai (Nghị định số 43) thì UBND cấp xã nơi có đất đang tranh chấp có trách nhiệm tổ chức hòa giải cơ sở đối với các tranh chấp đất đai khi có yêu cầu của người dân. Điều 88 Nghị định số 43 quy định cụ thể thủ tục tiến hành hòa giải, theo đó UBND cấp xã phải tiến hành thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất; thành lập hội đồng hòa giải và tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ

hai thì được coi là hòa giải không thành. Tuy nhiên, nhiều UBND cấp xã không chú trọng thực hiện công tác hòa giải theo quy định, khiến việc thụ lý vụ án gặp khó khăn, gây trở ngại cho người dân trong việc khởi kiện. Có thể kể đến một số trường hợp thường xảy ra khi tiếp nhận đơn khởi kiện từ người dân như sau:

Trường hợp thứ nhất, UBND cấp xã không làm đúng và đầy đủ quy trình, thủ tục hòa giải theo quy định. Nhiều trường hợp khi tiếp nhận đơn yêu cầu UBND cấp xã đã tổ chức hòa giải nhưng không đúng thành phần tham gia theo quy định hoặc thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp hoặc lập hồ sơ hòa giải không có các hồ sơ chứng minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất. Việc xác định những sai phạm từ UBND cấp xã có thuộc trường hợp trả đơn hoặc đình chỉ vì lý do “chưa đủ điều kiện khởi kiện” hay không vẫn còn nhiều tranh cãi. Chẳng hạn, TAND huyện Y trả lại đơn khởi kiện của ông Tạ Văn T theo căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS với nhận định: Tổ chức hòa giải thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa cung cấp tài liệu, hồ sơ diện tích đất có tranh chấp⁽²⁾.

Có ý kiến cho rằng việc tòa án trả đơn là chưa thỏa đáng vì hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã tại Điều 88 Nghị định số 43 chỉ bắt buộc có mặt các bên tranh chấp, tức là người khởi kiện và người bị kiện mà không bắt buộc phải có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 189 BLTTDS thì trường hợp vì lý do khách quan mà người khởi kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì họ phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích bị xâm phạm mà không nhất thiết phải nộp hết các tài liệu chứng cứ⁽³⁾. Quan điểm này theo hướng bảo vệ cho quyền lợi của người khởi kiện nhưng chưa phù hợp với quy định vì hai lý do sau:

(i) Điều 88 Nghị định số 43 quy định thành phần tham gia cuộc họp hòa giải gồm: các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì mới coi là việc hòa giải không thành. Quy định này phải được hiểu là trường hợp chỉ có mặt các bên tranh chấp, tức là người khởi kiện và người bị kiện mà không bắt buộc phải có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì vẫn tiến hành hòa giải; tuy nhiên, trong biên bản phải thể hiện việc UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức hòa giải đã mời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia nhưng họ vắng mặt, chứ không phải UBND cấp xã chỉ mời các bên tranh chấp.

(ii) Khoản 5 Điều 189 BLTTDS cho phép người khởi kiện nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ mà tại thời điểm khởi kiện họ chưa thu thập được vì lý do khách quan. Đây là nghĩa vụ chứng minh của đương sự theo tố tụng dân sự. Trong khi đó, việc tòa án trả đơn trong trường hợp này là do hồ sơ hòa giải của UBND cấp xã thực hiện chưa đúng quy định, thiếu thẩm tra, xác minh nguyên nhân tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất là quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã theo Luật Đất đai.

Trường hợp thứ hai, UBND cấp xã không tiến hành hòa giải và giao cho Tổ dân phố tiến hành hòa giải để trả đơn yêu cầu của người khởi kiện. Chẳng hạn, trường hợp Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ (TAND) trả đơn khởi kiện tranh chấp đất đai của bà P đối với ông C. Bà P đã gửi đơn yêu cầu hòa giải đến UBND phường P. Tuy nhiên, UBND phường P không tiến hành hòa giải theo quy định mà chuyển cho Tổ dân phố để tiến hành hòa giải, sau đó trả lời cho người dân việc hòa giải không thực hiện được. Tòa án đã tiến hành trả đơn khởi kiện với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện vì cho rằng Tổ dân phố tiến hành hòa giải là sai thẩm quyền, thành phần phiên họp hòa giải không đảm bảo yêu cầu và không đúng thủ tục theo quy định tại Điều 88 Nghị định số 43⁽⁴⁾. Trong khi đó, UBND phường P cho rằng đã giao cho Tổ dân phố tiến hành hòa giải nhưng một trong các bên tranh chấp không có mặt tại phiên họp lần thứ nhất nên các bên phải khởi kiện ra tòa án.

Như vậy, ở cả hai trường hợp trên, bất cập xuất phát từ trách nhiệm UBND cấp xã, nơi được giao trách nhiệm hòa giải cơ sở đã không thực hiện đúng quy định. Luật Đất đai và Nghị định số 43 quy định rất rõ quyền hạn, trình tự, thủ tục cần tiến hành khi thực hiện hòa giải cơ sở đối với các tranh chấp đất đai. Quy định trên tạo thuận lợi cho tranh chấp được hòa giải tại cấp cơ sở, bởi đơn vị quản lý đất đai tại địa phương, đồng thời giúp cho tòa án có được những chứng cứ, tài liệu

ban đầu để xác định nguồn gốc đất, quá trình tranh chấp đối với thửa đất, từ đó có những định hướng trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn giải quyết vụ án nếu việc hòa giải không thành. Hơn nữa, quy định pháp luật giao trách nhiệm tổ chức hòa giải cho UBND cấp xã là dạng quy định bắt buộc chứ không phải là quy định tùy nghi (có thể làm hoặc không) để UBND cấp xã thoái thác hoặc “làm cho có” để trả lời với người dân.

- Thứ hai, vướng mắc do tòa án áp dụng quy định chưa có đủ điều kiện khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án khi nguyên đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ

BLTTDS 2015 đã khắc phục hạn chế của quy định trước về nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong vụ án dân sự. Điều 91 BLTTDS 2015 quy định đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, đưa ra căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, hoặc trình bày bằng lời nói, lập luận phù hợp với các chứng cứ khác để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án chỉ hỗ trợ thu thập chứng cứ cho các đương sự trong trường hợp có căn cứ cho rằng họ đã thực hiện nhưng không được. Nghĩa vụ chứng minh của đương sự tiếp tục được quy định trong Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2024. Việc nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ thì tòa án bác đơn khởi kiện⁽⁵⁾. Tuy nhiên, có tòa án cho rằng nguyên đơn không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện nên tiến hành đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Trong hai vụ án tranh chấp giữa thành viên công ty giữa ông Chánh và ông Vũ với công ty cổ phần M do TAND tỉnh Bình Dương thụ lý, hai ông khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc Công ty mua lại phần vốn góp và chấm dứt quyền, nghĩa vụ tại Công ty M. Tòa án đã yêu cầu các nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã thực hiện nghĩa vụ góp vốn, cung cấp văn bản về việc yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình, trình bày rõ đã phản đối nghị quyết nào của Công ty M để xem xét các điều kiện khởi kiện của nguyên đơn theo quy định. Tuy nhiên, ông Vũ và ông Chánh không cung cấp được chứng cứ nên tòa án xác định thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP và đình chỉ giải quyết vụ án⁽⁶⁾.

Theo quan điểm của tác giả, trong vụ án này, tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh nghĩa vụ góp vốn, yêu cầu công ty mua lại cổ phần và tài liệu phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của công ty. Đây là những căn cứ để xác định nghĩa vụ của công ty trong việc mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014 (LDN 2014). Pháp luật doanh nghiệp không cho phép cổ đông được quyền rút vốn khỏi công ty trừ một số trường hợp theo luật định, bao gồm: chuyển nhượng cho người khác hoặc yêu cầu công ty mua lại khi không đồng ý với Nghị quyết của công ty. Nguyên đơn ông Chánh và ông Vũ khởi kiện yêu cầu công ty mua lại cổ phần thì phải có nghĩa vụ chứng minh mình đã góp vốn, đã phản đối nghị quyết của công ty và đã yêu cầu công ty mua lại. Trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thì tòa án bác đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 LDN 2014 quy định về nghĩa vụ của cổ đông, theo đó cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Như vậy, đây không phải là điều kiện khởi kiện do pháp luật quy định nên việc tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS cho rằng người khởi kiện chưa có đủ điều kiện khởi kiện là không đúng.

- Thứ ba, vướng mắc do tòa án đình chỉ với nhận định vụ án chưa đủ điều kiện khởi kiện do công ty đã bị giải thể

Đối với trường hợp công ty chấm dứt hoạt động, bị giải thể thì việc xác định người tham gia tố tụng áp dụng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 74 BLTTDS 2015, theo đó, cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng. Pháp luật doanh nghiệp cũng quy định việc người quản lý công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán⁽⁷⁾. Như vậy, trong trường hợp công ty đã chấm dứt hoạt động hoặc giải thể nhưng chưa thanh toán nghĩa vụ tài sản thì tòa án phải xác định người quản lý công ty tại thời điểm bị thu hồi giấy phép kinh doanh tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty. Tuy nhiên, nhiều tòa án lấy

lý do công ty chưa có người kế thừa quyền và nghĩa vụ để đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện là không đúng.

Ví dụ, trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng X với bị đơn là ông Bạch Ngọc T, người liên quan Công ty T. Ngày 11/12/1993, Công ty T có nợ của Ngân hàng X số tiền gốc 120.656,66 USD. Ngày 09/10/2000, Công ty T bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Quá trình giải quyết, tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm để xác định công ty đã giải thể và không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp pháp nên đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao xác định, Công ty T đã giải thể nên theo quy định tại khoản 6 Điều 158 LDN 2005 xác định người quản lý công ty là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của công ty và Ngân hàng có quyền khởi kiện ông T và các thành viên của Công ty T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ⁽⁸⁾.

4. Đề xuất, kiến nghị

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án dân sự và sửa đổi đối với quy định trong BLTTDS 2015 đối với quy định về “chưa có đủ điều kiện khởi kiện”:

Thứ nhất, về hòa giải cơ sở của UBND cấp xã nơi có tranh chấp về đất đai. Luật Đất đai và Nghị định số 43 giao trách nhiệm cho UBND cấp xã tiến hành hòa giải và là điều kiện bắt buộc trước khi tòa án thụ lý tranh chấp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy UBND cấp xã ở một số địa phương còn hời hợt, cho rằng việc hòa giải chỉ là thủ tục để các bên khởi kiện tại tòa án và trong quá trình giải quyết, tòa án phải tiến hành hòa giải nên thiếu quan tâm đến công tác hòa giải, không nghiên cứu các quy định pháp luật và tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp nên dẫn đến việc hòa giải không đúng thủ tục, ảnh hưởng quyền khởi kiện của người dân và tòa án không thể thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Để khắc phục tình trạng này, ở góc độ của tòa án các cấp, thẩm phán cần kiểm tra kỹ nội dung và thủ tục hòa giải, quán triệt nghiêm quy định về thụ lý và trả đơn khởi kiện. Trường hợp khi UBND xã nhận đơn hòa giải mà không tổ chức hòa giải hoặc hòa giải không đúng thì có văn bản giải thích để người dân gửi đơn yêu cầu UBND cấp xã tiến hành hòa giải theo đúng thủ tục luật định. Trường hợp UBND cấp xã không thực hiện thì hướng dẫn người dân khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Thứ hai, Tòa án nhân dân tối cao cần tổng kết thực tiễn sớm có các hướng dẫn cụ thể về căn cứ “chưa có đủ điều kiện khởi kiện” để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống tòa án.

Thứ ba, điểm a khoản 2 Điều 74 BLTTDS quy định: *Trường hợp tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh thì cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng.* Quy định này chưa rõ nên việc áp dụng chưa thống nhất. Trường hợp tổ chức này là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn thì thành viên của công ty là rất đông, đặc biệt đối với các công ty cổ phần đại chúng. Trong khi đó, pháp luật doanh nghiệp có quy định tương đối cụ thể hơn, theo đó, trường hợp công ty bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động thì người quản lý công ty phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc thực hiện không đúng các quy định về giải thể, chấm dứt hoạt động của công ty.

5. Kết luận

Như vậy, mặc dù việc trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ với căn cứ “chưa có đủ điều kiện khởi kiện” được quy định từ trước nhưng đến nay quy định này còn chưa được rõ ràng, khiến cho các thẩm phán trong quá trình áp dụng pháp luật còn tùy tiện, chưa thống nhất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Bên cạnh việc UBND cấp xã không tiến hành hòa giải đối với các tranh chấp đất đai theo quy định, sai sót phổ biến là các tòa án thường gặp là áp dụng quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện” khi nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, bị đơn là tổ chức bị giải thể mà không xác định được người kế thừa quyền và nghĩa vụ. Từ thực tiễn giải quyết các vụ án trên, tòa án nhân dân tối cao cần những tổng kết thực tiễn và hướng dẫn thống nhất cách hiểu, để việc giải quyết vụ án dân sự đạt hiệu quả cao, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân.

Chú thích:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An (2018), *Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/2018/QĐ-GQKN ngày 07/8/2018*.

(2) Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (2019), *Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 03/TB-TA ngày 04/01/2019*.

(3) Nguyễn Thị Hương, "*Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Luận án tiến sỹ ĐH Luật Hà Nội năm 2019, tr. 137.

(4) Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng (2021), *Thông báo trả lại đơn khởi kiện ngày 07/7/2021*.

(5) Nguyễn Thanh Hải và Châu Thanh Quyền, *Cẩm nang nghiệp vụ dành cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư (trong lĩnh vực dân sự và tố tụng dân sự)*, NXB chính trị quốc gia, 11/2020.

(6) Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2019), *Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 và số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2019*.

(7) Quy định tại khoản 6 Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc khoản 6 Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

(8) Tòa án nhân dân tối cao (2020), *Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Kinh doanh – thương mại năm 2016 – 2019*, NXB Thông tin và truyền thông, tr. 563-569.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Thanh Hải và Châu Thanh Quyền (2020). *Cẩm nang nghiệp vụ dành cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư (trong lĩnh vực dân sự và tố tụng dân sự)*. Nxb Chính trị quốc gia.

Nguyễn Thị Hương (2019). *Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Luận án tiến sỹ ĐH Luật Hà Nội năm 2019.

Tòa án nhân dân tối cao (2020). *Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Kinh doanh – thương mại năm 2016 – 2019*. Nxb Thông tin và truyền thông.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An (2018). *Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/2018/QĐ-GQKN ngày 07/8/2018*. Nghệ An.

Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (2019). *Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 03/TB-TA ngày 04/01/2019*. Bắc Giang.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (2021). *Thông báo trả lại đơn khởi kiện ngày 07/7/2021*. Đà Nẵng.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2019). *Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019*. Bình Dương.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2019). *Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 19/10/2019*. Bình Dương.